TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 719/2025/DS-PT
Ngày: 18 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp "Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Tính;

Ông Võ Trung Hiếu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 18 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp "Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 361/2024/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân Khu vực X – Đồng Tháp (Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 876/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Phan Thị Đ, sinh năm 1951;

Địa chỉ: tổ H, khu B, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

(tổ H, khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

Người đại diện hợp pháp: Võ Tuấn Vĩnh T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: số N, ấp B, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

(số N, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cũ).

Theo văn bản ủy quyền ngày 30/7/2025.

* *Bị đơn*: Phan Thị S, sinh năm 1946;

Địa chỉ: ấp M, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

(ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

Người đại diện hợp pháp: Bùi Quang N, sinh năm 1956;

Địa chỉ: tổ H, khu B, xã C, tỉnh Đồng Tháp.
(tổ H, khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).
Theo văn bản ủy quyền ngày 18/3/2023.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Phan Văn B, sinh năm 1931 (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B:

+ Phan Văn H, sinh năm 1966;
Địa chỉ: số T đường M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(số T đường M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cũ).

+ Phan Thị Ánh N1, sinh năm 1971;
Địa chỉ: số B khu B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh.
(số B khu B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cũ).

+ Phan Thoại V, sinh năm 1977;
Địa chỉ: ấp M, xã H, tỉnh Đồng Tháp.
(ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

+ Phan Văn C, sinh năm 1964;
Địa chỉ: ấp M, xã H, tỉnh Đồng Tháp.
(ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

+ Phan Hồng Kim T1, sinh năm 1983;
Địa chỉ: ấp M, xã H, tỉnh Đồng Tháp.
(ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

+ Phan Văn B1, sinh năm 1973;
Địa chỉ: ấp M, xã H, tỉnh Đồng Tháp.
(ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

- Phan Thị Cẩm L, sinh năm 1956;
Địa chỉ: ấp M, xã H, tỉnh Đồng Tháp.
(ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

Người đại diện hợp pháp: Võ Tuấn Vĩnh T, sinh năm 1973;
Địa chỉ: số N, ấp B, phường T, tỉnh Đồng Tháp.
(số N, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cũ).
Theo văn bản ủy quyền ngày 30/7/2025.

- Phan Thị Ngọc H1, sinh năm 1986;
Địa chỉ: ấp M, xã H, tỉnh Đồng Tháp.
(ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

- Nguyễn Thị Diệp A, sinh năm 1985;
Địa chỉ: tổ H, khu B, xã C, tỉnh Đồng Tháp.
(tổ H, khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

- Phan Thị K, sinh năm 1937 (chết)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K:

+ Bà Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp M, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

(ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

+ Nguyễn Thị C2, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

(ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

+ Nguyễn Văn G, sinh năm 1963;

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

(ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

- Phan Thị S1, sinh năm 1947 (chết);

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S1:

+ Nguyễn Văn H2, sinh năm 1947;

Địa chỉ: ấp M, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

(ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

+ Nguyễn Chí L1, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp K, xã N, tỉnh Tây Ninh.

(ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An cũ).

+ Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp M, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

(ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

+ Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp K, xã N, tỉnh Tây Ninh.

(ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An cũ).

+ Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp K, xã N, tỉnh Tây Ninh.

(ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An cũ).

+ Nguyễn Đức T4, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp M, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

(ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

+ Nguyễn Ngọc L2, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp N, xã L, tỉnh Đồng Nai.

(ấp N, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cũ).

+ Nguyễn Minh T5, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp M, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

(ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

+ Nguyễn Minh L3, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp M, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

(ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

- Ngân hàng N2;

Địa chỉ: Ngân hàng N2 Chi nhánh huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Việt T6, chức vụ: Giám đốc

(Theo Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHN_O-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N2).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Phan Thị Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Thị Cẩm L.

(Có mặt: ông Võ Tuấn Vĩnh T, ông Bùi Quang N, bà Nguyễn Thị Kim C1. Vắng mặt những người còn lại).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo tờ tự khai, đơn khởi kiện, các ý kiến trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Phan Thị Đ có người đại diện ủy quyền là bà Nguyễn Thị Ngọc H3 trình bày:*

Cha của nguyên đơn là cụ Phan Văn C3 (chết năm 1986), mẹ của nguyên đơn bà là Nguyễn Thị Đ1 (chết năm 1990) có tổng cộng 06 người con: Phan Thị Đ, Phan Thị S, Phan Thị K (hiện đã chết), Phan Văn B (hiện đã chết), Phan Thị S1 (hiện đã chết), Phan Thị Cẩm L. Lúc sinh thời cha mẹ của nguyên đơn có tạo lập được 10.000m^2 đất vườn và 8.000m^2 đất ruộng cùng tọa lạc tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cha mẹ nguyên đơn chết thì toàn bộ tài sản trên do bà S tự đăng ký kê khai đứng tên quyền sử dụng đất năm 1999, cụ thể các thửa đất: số 74 diện tích 1.286m^2, số 132 diện tích 3.230m^2, số 255 diện tích 567m^2, số 257 diện tích 4.345m^2, số 261 diện tích 3.806m^2, số 303 diện tích 3.987m^2, các thửa đất trên thuộc tờ bản đồ số HMAC4, tổng cộng diện tích 06 thửa đất nêu trên là 17.221m^2 do bà S đại diện hộ đứng tên được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 27/4/1999. Việc bà S tự ý đăng ký kê khai là không đúng vì đây là tài sản do cha mẹ nguyên đơn tạo lập trước khi chết để lại.

Nay nguyên đơn yêu cầu được chia phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 2.000m^2 (T) nằm trong thửa đất số 257, yêu cầu chia phần đất diện tích qua đo đạc thực tế là 692,9m^2 (T) nằm trong thửa đất số 132, yêu cầu chia phần đất diện tích qua đo đạc thực tế là 168,4m^2 (T-13 và T-14) nằm trong thửa đất số 74, các phần đất nêu trên do bà S đứng tên quyền sử dụng đất được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 27/4/1999. Phía nguyên đơn được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các phần đất nêu trên theo quy định pháp luật.

** Tại tờ tự khai, ý kiến tại các biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Phan Thị S có người đại diện là ông Bùi Quang N trình bày:*

Về mối quan hệ nhân thân và các anh chị em thống nhất lời trình bày của nguyên đơn. Lúc còn sống cha mẹ của bị đơn có chia cho các anh chị em xong về các phần đất, phía bà Đ cũng có được chia nhưng không chịu về nhận, do bị đơn sống chung ba mẹ, bị đơn cũng có công tạo lập khối tài sản nên mẹ bị đơn có nói để lại cho bị đơn các phần đất còn lại và bị đơn có đăng ký kê khai đứng tên toàn bộ 06 thửa đất gồm các thửa số: 74, 132, 255, 257, 261, 303. Việc bà S đăng ký kê khai lần đầu vào năm 1999 và được cấp giấy là đúng theo quy định pháp luật. Các anh chị em của bà S cũng thống nhất không ai có ý kiến hay tranh chấp gì. Năm 2003, bà Đ có tranh chấp yêu cầu chia đất vì chỗ tình chị em muốn hòa thuận nên phía bà S có đưa cho bà Đ số tiền 40.000.000 đồng (tại thời điểm năm 2003 số tiền 40.000.000 đồng nếu quy đổi thành vàng là rất lớn). Phía bà S xác định 06 thửa đất nêu trên là tài sản của bà S đăng ký kê khai và đứng tên đúng theo quy định pháp luật.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ, bà S có ý kiến như sau: Không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Đ. Bà S tự nguyện cho bà Đ số tiền là 100.000.000 đồng.

Nay đối với yêu cầu độc lập của bà C1, bà S có ý kiến như sau: bà S tự nguyện cho bà C1 phần đất diện tích là 310,1 m^2 (T-1+T-2) và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa số 132.

Nay đối với yêu cầu độc lập của bà L, bà S có ý kiến như sau: Không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà L. Bà S tự nguyện cho bà L phần đất diện tích là 472,8m^2 (T-11+T-12) và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa số 74.

** Theo tờ tự khai, đơn yêu cầu độc lập, các ý kiến trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim C1 trình bày:*

Bà thống nhất lời trình bày của bà Phan Thị Đ. Việc bà S tự ý đăng ký kê khai đứng tên 06 thửa đất nêu trên là không đúng. Bà là hàng thừa kế của bà K (đã chết).

Tại phiên tòa sơ thẩm bà xác định không tranh chấp với bà Phan Thị S, bà xác định lại yêu cầu như sau: Bà thống nhất với bà S về việc bà sẽ nhận phần đất diện tích qua đo đạc thực tế là 310,1m^2 (T-1 và T-2) và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 132 do bà S đứng tên. Bà được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất nêu trên theo quy định pháp luật.

** Theo tờ tự khai, đơn yêu cầu độc lập, các ý kiến trình bày tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Cẩm L trình bày:*

Bà thống nhất lời trình bày của bà Phan Thị Đ về quan hệ nhân thân và các anh chị em, về nguồn gốc đất. Bà xác định việc bà S tự ý đăng ký kê khai đứng tên 06 thửa đất nêu trên là không đúng vì đây là tài sản do cha mẹ tạo lập trước khi chết để lại.

Nay bà yêu cầu được chia phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 472,8m^2 (T-11 và T-12) thuộc thửa đất số 74 và bà yêu cầu được chia phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 2.731,9m^2 (T-2) thuộc thửa đất 257, các phần đất nêu trên hiện do bà S đứng tên. Bà được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các phần đất nêu trên theo quy định pháp luật.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn B, bà Phan Thị K, bà Phan Thị S1 trước đây có tờ tự khai trình bày các thửa đất hiện bà S đang đứng tên là sở hữu hợp pháp của bà S, nguồn gốc đất do cha mẹ để lại. Các ông bà thống nhất với lời trình bày của bà S, không chấp nhận yêu cầu của của bà Đ.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 361/2024/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Toà án nhân dân Khu vực X - Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ) đã áp dụng: Các điều 26, 35, 228, 235, 243, 244, 266, 267 và 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 468, 609, 611, 612, 613, 614, 615, 616, 617, 618, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 95, 97, 203 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Tuyên xử:

* Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Đ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Đ về việc yêu cầu chia thừa kế.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị S cho bà Phan Thị Đ số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà S chậm thi hành đối với phần tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

* Đối với yêu cầu độc lập của bà Phan Thị Cẩm L:

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phan Thị Cẩm L về việc yêu cầu chia thừa kế.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị S giao cho bà Phan Thị Cẩm L được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng phần đất diện tích qua đo đạc thực tế là 472,8m^2 (T-11+T-12) và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất, phần đất này nằm trong thửa đất số 74, tờ bản đồ số HMAC4 do bà Phan Thị S đại diện hộ đứng tên giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận ngày 27/4/1999, diện tích nguyên thửa theo giấy là 1.286 m^2. Phần đất diện tích 472,8m^2 (T-11+T-12) tọa lạc tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang có tư cận như sau:

+ Hướng Bắc giáp với đất do bà Phan Thị S quản lý, sử dụng (T-13).

+ Hướng Nam giáp với đất ông Trần Văn L4 quản lý, sử dụng (T-9).

+ Hướng Đông giáp với đường bê tông.

+ Hướng Tây giáp kênh Nguyễn Văn T7.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo phần đất diện tích 472,8m^2)

* Đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Kim C1:

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Phan Thị S và bà Nguyễn Thị Kim C1 như sau:

Bà Phan Thị S giao cho bà Nguyễn Thị Kim C1 được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng phần đất diện tích qua đo đạc thực tế là 310,1m^2 (T-1+T-2) và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất, phần đất này nằm trong thửa đất số 132, tờ bản đồ số HMAC4 do bà Phan Thị S đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận ngày 27/4/1999, diện tích nguyên thửa theo giấy là 3.230m^2. Phần đất diện tích 310,1m^2 (T-1+T-2) tọa lạc tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc giáp với đất ông Nguyễn Văn L5.

+ Hướng Nam giáp với đất phần T-3 của thửa 132.

+ Hướng Đông giáp với đất phần T-3 của thửa 132.

+ Hướng Tây giáp đường bê tông.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo phần đất diện tích 310,1m^2)

Các bên đương sự bà Phan Thị Cẩm L, bà Nguyễn Thị Kim C1 được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với các phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự, quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định pháp luật.

* Ngày 19 tháng 11 năm 2024, nguyên đơn Phan Thị Đ có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 361/2024/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Toà án nhân dân Khu vực X - Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ) yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, cụ thể:

- Yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất sau: thửa đất số 74, diện tích 1.286m^2; thửa đất số 132, diện tích 3.230m^2; thửa đất số 255, diện tích 567m^2; thửa đất số 257, diện tích 4.345m^2; thửa đất số 261, diện tích

3.806m^2 và thửa đất số 303, diện tích 3.987m^2 cùng tờ bản đồ HMAC4, tọa lạc ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của ông Phan Văn C3 và bà Nguyễn Thị Đ1 .

- Yêu cầu chia di sản thừa kế nêu trên của ông Phan Văn C3 và bà Nguyễn Thị Đ1 theo quy định pháp luật.

- Bà yêu cầu nhận phần đất có diện tích 106,5m^2 thuộc thửa đất số 74; phần đất có diện tích 692,9m^2 thuộc thửa đất số 132 và phần đất có diện tích 2000m^2 thuộc thửa đất số 257, cùng tờ bản đồ HMAC4 tọa lạc ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Ngày 19 tháng 11 năm 2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Thị Cẩm L có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 361/2024/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Toà án nhân dân Khu vực X - Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ) yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần nội dung bản án sơ thẩm:

- Yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất sau: thửa đất số 74, diện tích 1.286m^2; thửa đất số 132, diện tích 3.230m^2; thửa đất số 255, diện tích 567m^2; thửa đất số 257, diện tích 4.345m^2; thửa đất số 261, diện tích 3.806m^2 và thửa đất số 303, diện tích 3.987m^2 cùng tờ bản đồ HMAC4, tọa lạc ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của ông Phan Văn C3 và bà Nguyễn Thị Đ1 .

- Yêu cầu chia di sản thừa kế nêu trên của ông Phan Văn C3 và bà Nguyễn Thị Đ1 theo quy định pháp luật.

- Bà yêu cầu nhận phần đất có diện tích 2.734m^2 thuộc thửa đất số 257, tờ bản đồ HMAC4 tọa lạc ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập giữ nguyên yêu cầu độc lập; người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 361/2024/DS-ST ngày 06/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực X - Đồng Tháp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thị Đ, bà Phan Thị Cẩm L có đơn kháng cáo hợp lệ và thực hiện thủ tục kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung xét kháng cáo:

Bà Phan Thị Đ khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của vợ chồng cụ Phan Văn C3 (chết 1986) và cụ Nguyễn Thị Đ1 (chết 1990) để lại là quyền sử dụng đất của các thửa đất: Thửa đất số 74, diện tích 1.286m^2; thửa đất số 132, diện tích 3.230m^2; thửa đất số 255, diện tích 567m^2; thửa đất số 257, diện tích 4.345m^2; thửa đất số 261, diện tích 3.806m^2 và thửa đất số 303, diện tích 3.987m^2 cùng tờ bản đồ HMAC4, tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2487.QSDĐ ngày 27/4/1999 cho hộ bà Phan Thị S (gọi tắt là thửa đất số 74, 132, 255, 257, 261, 303). Cụ thể: chia diện tích 168,4m^2 thuộc thửa đất số 74; diện tích 692,9m^2 thuộc thửa đất số 132 và diện tích 2000m^2 thuộc các thửa đất số 257, 261, 303, cùng tờ bản đồ HMAC4, tại M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Theo văn bản số 1898/VPĐKĐĐ-TTLT ngày 13/11/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang về việc cung cấp hồ sơ, tài liệu (hồ sơ theo Chỉ thị 299) đối với tên chủ sử dụng ruộng đất Nguyễn Thị Đ1 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang: Theo Sổ đăng ký ruộng đất (Ủy ban nhân dân xã ký năm 1984) thì tên chủ sử dụng ruộng đất đối với thửa đất số 132, 133 (lô số 01) là *"Nguyễn Thị Đ1 + L"*; theo Sổ đăng ký ruộng đất (Ủy ban nhân dân xã ký năm 1984) thì tên chủ sử dụng ruộng đất đối với thửa đất số 373, 369 là *"Nguyễn Thị Đ1"*.

Quá trình tố tụng, bà Phan Thị S khai nhận các thửa đất số 74, 132, 255, 257, 261 và 303 có một phần do cha mẹ cho, có một phần do bà Phan Thị S nhận chuyển nhượng của người khác, đến năm 1999 bà tiến hành kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà đã chuyển nhượng cho người khác phần diện tích đất 168,4m^2 (thửa đất số 74) và phần diện tích 692,9m^2 (thửa đất 132) nhưng không rõ thời gian, trong đó có ông Võ Văn C4 xây dựng nhà kiên cố (trước khi xét xử sơ thẩm).

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/8/2025, trên phần diện tích thuộc thửa đất số 74 (bà Phan Thị Đ yêu cầu chia) có 01 căn nhà có cấu trúc: cột, móng bê tông cốt thép, mái tole, vách tường có ốp gạch men thuộc quyền sở hữu của ông Võ Văn C4.

Từ những tình tiết trên, cho thấy:

Thứ nhất, một phần diện tích các thửa đất 74, 132, 255, 257, 261 và 303 có nguồn gốc của cụ Nguyễn Thị Đ1 và Phan Văn C3. Theo hồ sơ 299, cụ Nguyễn Thị Đ1 cùng người tên "L" đứng tên chủ sử dụng các thửa đất số 132, 133 (lô số 01) tờ bản đồ số 1 của xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, cụ Nguyễn Thị Đ1 đứng tên chủ sử dụng các thửa đất số 373, 369 (lô số 01) tờ bản đồ số 01A của xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Thứ hai, bà Phan Thị S đã chuyển nhượng cho người khác một phần diện tích của các thửa đất số 74, 132, trong đó có ông Võ Văn C4 đã nhận đất và xây dựng nhà ở trên đất.

Tuy vậy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử chưa thu thập chứng cứ làm rõ mối quan hệ giữa các thửa đất số 132, 133, 373, 369 (theo hồ sơ 299) và các thửa đất số 74, 132, 255, 257, 261, 303 (do bà Phan Thị S đứng tên quyền sử dụng đất), trường hợp có căn cứ xác định các thửa đất số 74, 132, 255, 257, 261, 303 có nguồn gốc từ các thửa đất số 132, 133, 373, 369 thì phải làm rõ bà Phan Thị S xác lập, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất số 74, 132, 255, 257, 261, 303 trên cơ sở nào của pháp luật đất đai, chủ sử dụng đất tên "L" đứng tên cùng cụ Nguyễn Thị Đ1 là ai, có quyền lợi như thế nào đối với các thửa đất số 132, 133. Từ đó mới có căn cứ xác định các thửa đất số 74, 132, 255, 257, 261, 303 có phải là di sản của cụ Nguyễn Thị Đ1 và cụ Phan Văn C3 hay không, nhằm đảm bảo bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của những người thừa kế, người thứ ba.

Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ những người nhận chuyển nhượng đất tranh chấp do bà Phan Thị S chuyển nhượng, trong đó có ông Võ Văn C4 (đã xây dựng nhà ở ổn định) để đưa họ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ khi giải quyết vụ án.

Những thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm không thể khắc phục tại giai đoạn xét xử phúc thẩm. Do vậy, để đảm bảo nguyên tắc xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm khắc phục những thiếu sót nêu trên, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên đương sự.

Căn cứ hủy bản án sơ thẩm do đương sự cung cấp, Tòa án thu thập trong quá trình xét xử phúc thẩm nên không có lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm.

Do hủy bản án dân sự sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm chưa xem xét kháng cáo của bà Phan Thị Đ, Phan Thị Cẩm L.

[3]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Do bản án bị hủy nên bà Phan Thị Đ, Phan Thị Cẩm L không phải chịu án phí phúc thẩm, nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 361/2024/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Toà án nhân dân Khu vực X - Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân Khu vực X - Đồng Tháp giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Đ, Phan Thị Cẩm L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực X - Đồng Tháp;
- THADS khu vực X - Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Huy